

QUESTIONNAIRE FOR OGP APPLICANTS

Câu hỏi cho Người nộp Đơn

OGP. IV :

Date :
Ngày

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you can not read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền vào Bảng câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng đầy đủ càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành tiếng Anh thì điền bằng tiếng Việt

Mail or send the completed questionnaire to :

Gửi Bảng Câu hỏi này về :

127 Panjabum Building.

Sathorn Tai Road

Bangkok 10120

THAILAND

A. BASIC IDENTIFICATION DATA / Lịch căn bản.

1. Name : DANH THỊ HON / Sex : Female
Họ tên / Phái
2. Other Name : Any
Họ tên khác
3. Date/Place of birth : 1938 at Thới Đông, Ô Môn, Hậu Giang
Ngày/ Nơi sinh
4. Residence Address : 35A/2 Thới Trường Hamlet, Thới Xuân Commune
Địa chỉ thường trú / Ô Môn District, Hậu Giang Province
VIỆT NAM
5. Mailing Address : Same as above.
Địa chỉ thư từ
6. Current Occupation : Farmer
Nghề nghiệp hiện tại

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME / Bà con cùng đi với tôi.

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(CHÚ Ý: Chỉ có vợ/chồng và con chưa có gia đình mới có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau : đã lập gia đình (M), đã ly hôn (D), góa phụ/góa tử (W), hoặc độc thân (S).)

Name	Date/Place of birth	Sex	M.S.	Relationship
1. LÝ HẬU	01.11.1963	M	M	Son
2. LÝ OANH	08.09.1965 Ph.Dinh	M	M	Son
3. LÝ THỊ DUNG	31.08.1966 Bạc Liêu	F	M	Daughter
4. LÝ THỊ PHƯỢNG	09.12.1968 Bạc Liêu	F	M	Daughter

(NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decree (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), ID Cards (if available), and photos. If any of the accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I Below.)

(CHÚ Ý: Cho những người có tên trong danh sách trên, chúng tôi cần khai sinh, hôn thú (nếu đã lập gia đình), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), khai tử của vợ/chồng (nếu là góa phụ/góa tử), căn cước (nếu có) và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn mà hiện không cùng chung ngụ, xin viết địa chỉ của họ trong Phần I bên dưới.)

G. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM / Bà con ở ngoài quốc.

OF MYSELF
của tôi

OF MY SPOUSE
của vợ/chồng

1. **Closest Relative in The U.S.** :
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ
 - a. **Name** :
Họ tên
 - b. **Relationship** :
Liên hệ gia đình
 - c. **Address** :
Địa chỉ
 - d. **Date of Relative's Arrival:**
in the U.S.
Ngày bà con đến Hoa Kỳ
2. **Closest Relative in Other foreign Countries**
Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác
 - a. **Name** :
Họ tên
 - b. **Relationship** :
Liên hệ gia đình
 - c. **Address** :
Địa chỉ

B. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead) / Danh sách toàn thể gia đình (sống/chết)

1. **Father** : DANH SÉT (Dead)
Cha
2. **Mother** : DANH THỊ PHƯƠNG (Dead)
Mẹ
3. **Spouse** : LÝ RINH, born in 1938 at Thới Đông
Vợ/chồng commune, Thuận Trung, Phong
Dinh (dead).
4. **Former Spouse (if any)** : Any
Vợ/chồng trước (nếu có)
5. **Children** : (1) LÝ HẬU 01.11.63 Farmer at Ô Môn HGIANG
Con cái (2) LÝ OANH 08.09.65 id
(3) LÝ THỊ DUNG 31.08.66 id
(4) LÝ THỊ PHƯỢNG 09.12.68 id
6. **Siblings** : Any
Anh chị em

E. EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATION OF YOU OR YOUR SPOUSE / Ban hoặc vợ/chồng đã làm việc cho công sở của Chính Phủ Mỹ hoặc Hãng Mỹ.

1. Employee Name :
Họ tên nhân viên
Position Title :
Chức vụ
Agency/ Company/Office :
Sở / Hành/ Văn phòng
Length of Employment : From : To :
Thời gian làm việc Từ tới
Name of American Supervisor :
Tên họ giám thị Mỹ
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc
2. Employee Name :
Họ tên nhân viên
...
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc
3. Employee Name :
Họ tên nhân viên
...
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE/Ban hoặc vợ/chồng đã công vụ với Chính Phủ Việt Nam.

1. Name of Person Serving : LÝ RINH
Họ tên người tham gia
2. Dates : From : 16.06.1964 To : 27.05.1969
Ngày tháng năm Từ tới
3. Last Rank : Sergeant Mil. Serial No. : 38/181.487
Cấp bậc cuối cùng Số quân
4. Ministry/Office/ Mil. Unit : Company 4/506/ĐPQ Bạc Liêu Section
Bộ / Sở / Đơn vị binh chủng
5. Name of Supervisor/C.O. : Captain Nguyễn Văn Công
Họ tên giám thị/SQ chỉ huy Company Commander
6. Reason for Separation : Gloriously died for The Country
Lý do nghỉ việc on 27.05.1969
7. Names of American Advisor(s) :
Tên Họ gốc văn Mỹ
8. U.S. Training Courses in Viet Nam :
Chương trình huấn luyện của Hoa Kỳ tại Việt Nam.
9. U.S. Awards or Certificates
Name of Award : Date Received :
Phân thưởng/Giấy khen Ngày nhận

(NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards, or certificates, if available. Available ? Yes : ... No : ...)

(CHÚ Ý: Xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy ban khen, hoặc chứng chỉ, nếu có. Bạn có không ? Có: ... KHÔNG: X.)

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE / Ban hoặc vợ/chồng đã được huấn luyện ở ngoài quốc.

1. Name of Student/Trainee :
Họ tên sinh viên/Người thụ huấn

2. School and School Address :
Tên trường và địa chỉ Trường

3. Dates : From :
Ngày tháng năm Từ

To :
tới

4. Description of Courses:
Mô tả ngành học

5. Who paid for Training ?
Ai đài thọ chương trình huấn luyện ?

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if available.
Available ? NO.)

(CHÚ Ý : Xin bạn kèm theo bản sao Văn bằng hoặc chỉ thị, nếu có. Bạn có không ? KHÔNG.)

H. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE/Ban hoặc vợ/chồng đã học tập.

1. Name of Person in Re-Education :
Họ tên người học tập cải tạo

2. Time in Re-Education : From :
Thời gian cải tạo Từ

To :
tới

3. Still in Re-Education ? KHÔNG
Còn học tập không ?

(If released, we must have a copy of your release certificate.)
(Nếu được tha, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại của Bạn.)

I. ANY ADDITIONAL REMARKS ? / Cuộc chú phụ thuộc ?

My husband's death was judged as 'DEATH FOR THE COUNTRY'.

I wish I could be given allowance worthy of his death from April 75 until now.

Signature :
Ký tên

Date :
Ngày

J. ALL DOCUMENTS ENCLOSED / Tất cả hồ sơ đính kèm.

1. Photocopies my birth certificates of Lý Oanh (Male)
Ly Thị Dung (Female)
Ly Thị Phụng (Female)

2. Photocopy of Certificate Company Commander, KBC. 6188
dated 27 May 1969

3. Photocopy of Decree on granting allowance for War Dead's Children.
(No. 13382/CCB/HBCD/CD dated 26.08.1970)

4. Photos.

TỈNH Phong-Dinh

BON SAO LỤC BỘ SANH TẠI XÃ Thối-Dông

Nam 1965

Số hiện 149

Tên họ đứa con nít	<u>Lý - OANH</u>
Nam hay nữ	<u>Nam</u>
Sanh ngày nào	<u>8 tháng 9 D. Năm 1965</u>
Sanh tại đâu	<u>Xã Thối-Dông (Phong-Dinh)</u>
Tên, họ cha	<u>Lý - Bình</u>
Cha làm nghề gì	<u>Quân-Nhân</u>
Nhà cửa ở đâu	<u>Xã Thối-Dông</u>
Tên họ mẹ	<u>Đinh thị Hôn</u>
Mẹ làm nghề gì	<u>Lên-ruộng</u>
Nhà cửa ở đâu	<u>Xã Thối-Dông</u>
Vợ chánh hay vợ thứ	<u>Chánh</u>

Tại Thối-Dông ngày 11 tháng 9 năm 1965

NGƯỜI KHAI

HỘI-VIÊN HỘ-TỊCH

Sơn thị Hồng

ký tên hoặc đóng dấu

(Lăng-Tây)

Lê-văn-Bằng NGƯỜI CHỨNG

(Ấn-Ký) 1o Thạch-Sua (Ký-Tên)

2o Mai-Yong (Ký-Tên)

Chứng cho hợp pháp chữ ký ngang

đây của U.B.H.C. xã Thối-Dông

Thuận-Trung ngày 20 - 6 196 9

Quận - TRƯỞNG T

TRÍCH LỤC Y BỘ ĐỜI

Thối-Dông ngày 20 - 6 196 9

Ủy-Ban Hành-Chánh Xã

Chữ-Tích kiêm Ủy-Viên Hộ-Tịch

KHAI-SANH

240

Số hiệu HAI TRAM BOM MUOI

Ấu-nhi : (Tên họ)	LY THI DUNG
Phái :	NU
Sanh ngày, tháng, năm :	NGAY BA MUOI MOT, THANG TAM NAM MGT
	NGAN CHIN TRAM SAU MUOI SAU
Tại :	VINH CHAU
Cha : (Tên họ)	LY RINH
Tuổi :	HAI MUOI TAM TUOI
Nghề-nghiệp :	QUAN NHAN
Cư-trú tại :	VINH CHAU
Me : (Tên họ)	DANH THI HON
Tuổi :	HAI MUOI TAM
Nghề-nghiệp :	MOI TRO
Cư-trú tại :	VINH CHAU
Vợ (chánh hay thứ)	VO CHANH THUC
Người khai :	LY RINH
Tuổi :	HAI MUOI TAM
Nghề-nghiệp :	QUAN NHAN
Cư-trú tại :	VINH CHAU
Ngày khai :	MOT THANG CHIN, NAM MOT NGAN CHIN TRAM SAU MUOI SAU
Người chứng thứ nhất : (Tên họ)	HUYNH CONG CHINH
Tuổi :	HAI MUOI TAM
Nghề-nghiệp :	CAN BO Y TE, QUAN XLTY TRUONG CHI Y TE
Cư-trú tại :	VINH CHAU
Người chứng thứ hai : (Tên họ)	NGUYEN THI CAM
Tuổi :	BON MUOI TAM
Nghề-nghiệp :	NU HO SINH
Cư-trú tại :	VINH CHAU

SAO - Y

Theo bo khai sanh nam 1.966
Vinh Chau ngay 21/02/1.967

CHU TICH UBHCKA
KINH UY HO TICH

KIM HOAI VIET

Lập tại VINH CHAU, ngày 01 THANG 9 1966
 Người khai, Hộ lại, Nhân chứng,
 LY RINH KIM HOAI VIET HUYNH CONG CHINH
 NGUYEN THI CAM

KHAI SANH

Đa Trăm Năm Mười Chín

359

Ấu-nhi : Ly - Thi - Phương

Tên, họ

Phái : Nữ

Sanh ngày, tháng, năm : Chín Tháng Mười Hai, Năm Một Ngàn

Chín Trăm Sáu Mười Tám,

Tại : Nhà Thương Vinh-Chau

Cha : Ly-Rinh sq: 181.167

Tên, họ

Tuổi : Đa Mười

Nghề-nghiep : Quan-Nhan

Cư-trú tại : Đại-Doi 506/ĐPQ

Mẹ : Danh - Thi - Hân

Tên, họ

Tuổi : Đa Mười

Nghề-nghiep : Lam-Ruong

Cư-trú tại : Trại Đại-Doi 506/ĐPQ

Vợ (chánh hay thứ) : Cô Hân-Tin

Người khai : Ly-Rinh sq: 181.167

Tuổi : Đa Mười

Nghề-nghiep : Quan-Nhan

Cư-trú tại : Đại-Doi 506/ĐPQ

Ngày khai : Mười Tháng Mười Hai, Năm Một Ngàn Chín Trăm

Sáu Mười Chín

Người chứng thứ nhất : Trinh-Van-Nhan

Tên, họ

Tuổi : Mười Mười Hai

Nghề-nghiep : Cán-Su Y-Te

Cư-trú tại : Vinh-Chau

Người chứng thứ hai : Nguyen Thi Gan

Tên, họ

Tuổi : Đa Mười

Nghề-nghiep : Mã Hộ Sinh

Cư-trú tại : Vinh-Chau

Làm tại Vinh-Chau, ngày 10 tháng 12 năm 196⁸

Người khai,
Ly-Rinh

Hộ-lại,
Kim-Hoai-Viet

Nhân chứng,
Trinh-Van-Nhan

Nguyen-Thi-Gan

Sao 3 To 359 Do Sanh Nam 1968

Vinh-Chau Ngày 25-6-1969

Chu-Tich/Ho-Tich,

VIỆT NAM CÔNG HOÀ
QUÂN LỰC VIỆT NAM CÔNG-HOÀ
VÙNG 4 CHIẾN THUẬT
KHU 42 CHIẾN THUẬT
LƯU KHU BẠC LIÊU
ĐẠI ĐỘI HCIV BẠC LIÊU

MẪU SỐ I

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Chỉ Mệnh Huan chỉ số 16.206/AM/Dirpers ngày 21 tháng 10 năm 1.953 của Ông Tổng Trưởng Bộ Quân Lực.

2

Ý - K IẾN

UNG-HUẬN AN CẤP LỜI DANG-LỤC
"Bỏ mình vì Tổ Quốc"

-HỌ VÀ TÊN : LÝ - MINH
-CẤP - BẬC : Trung-Sĩ I
-SỐ - QUÂN : 38/181.467
-SINH NGÀY : 1.938 Xã Thái Đông Huân Trung Phong ĐK
-TUYỂN MÔ NGÀY 16-06-64 do Quyết định số 235 ngày 26-08-64

Và theo đúng tinh thần Huan chỉ số 16.206/AM/Dirp ngày 21-10-53 Lời Dang Lục "Bỏ mình vì Nước Việt-Nam" phải ghi vào giấy khai tử của đương sự ./-

KBC, 01.88 ngày 27 tháng 05 năm 1.909

Đại-đội NGUYỄN VĂN CÔNG

Đại-đội-Trưởng Đại-Đội HCIV Bạc-Liêu

ĐẠI-ĐỘI

NGUYỄN-VĂN-GIÂN

BẠC-LIÊU

NGHỊ - ĐỊNH
CHUẨN - CẤP TRỢ - CẤP
QUỐC - GIA NGHĨA - TỬ

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
BỘ QUỐC - PHÒNG và CỰU CHIẾN - BINH
TỔNG NHA CỰU CHIẾN BINH
NHA HƯU - BỔNG và CẤP - DƯỠNG

Số ~~1 2362~~ /CCB/HBCD/CD

Tổng-Trưởng Quốc Phòng & Cựu Chiến Binh,

— Chiều Sắc-Lệnh số 72/QP ngày 24-7-63, ấn-định tổ-chức và điều hành Quốc-Gia Nghĩa-Tử Cuộc.

— Chiều Sắc-lệnh số 5/QP ngày 18-1-66 sửa đổi điều 15 Sắc-Lệnh 72/QP ngày 24-7-63.

— Chiều Nghị-định số 045/CCB/QP ngày 1-4-1968, ấn-định giá biểu cấp-dưỡng Quốc-Gia Nghĩa-Tử.

— Chiều hồ-sơ Cấp-dưỡng của Ông/Bà. DANH THI HON

NGHỊ - ĐỊNH

Điều thứ nhất. — Ông/Bà DANH THI HON

Sinh ngày 1.9.38 tại THỚI BÔNG

trình thẻ căn-cước (hoặc) số

cấp tại ngày

hiện ngụ tại 3/3 HƯỚNG SỐ 3 X. THỚI BÔNG, THUAN TRUNG, PHONG DINH

Được Ấn-Tòa thừa nhận là Giám-hộ 04 trẻ

Con của LY RINH

Cấp-bậc TR.3.1 Quân-số 32/181.487

Đơn-vị 4/506/ĐPQ TK. BAC LIÊU

Được lãnh trợ-cấp hàng tháng là 400\$00 cho mỗi Quốc-Gia Nghĩa-Tử có tên sau đây.

Kể từ ngày 28.11.69

Số T.	HỌ và TÊN Q.G.N.T.	NGÀY SINH	Ấn-Tòa thừa-nhận	Được hưởng đền	CƯỚC CHỮ
1	LY HAU	01.11.63	3312 NB	31.10.81	
2	LY DANH	08.09.65	24.11.69	07.09.83	
3	LY THI DUNG	31.05.66		30.08.84	
4	LY THI DƯƠNG	09.12.68		08.12.86	
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					

Điều thứ hai. — Tổng Giám-Đốc và Giám-Đốc Nha Hưu-Bổng và Cấp-Dưỡng chiếu nhiệm-vụ thi-hành nghị-định này.

Số 108, ngày 15 tháng 8 năm 1969
T. U. N. TỔNG-TRƯỞNG QUỐC PHÒNG CỰU CHIẾN-BINH
GIÁM-ĐỐC NHA HƯU-BỔNG VÀ CẤP-DƯỠNG



Đại tá NGUYỄN VĂN TRUNG

From: DANH THI HON
Ap Thoi Truong
Xa Thoi Xuan
Huyen O Mon
Hau Giang VIET NAM

R 958
1985



DEC 20 1989

MAY BAY
PAR AVION

TO : MRS KHUC MINH THO
PO. BOX 5435 ARLINGTON
VA. 22205-0635
U. S. A.

1958-19860

1043

21. 3. 4

8

21. 11. 89



Đan Thi
Hoa

Ly
Danh

Ty Thi
Phuong

Ly Thi
Dinh